



Phong trào sinh viên khởi nghiệp được thúc đẩy mạnh mẽ sau Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
Ảnh: ST.

Một số mô hình quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp trong trường đại học: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Phạm Hồng Quát¹, Lương Văn Thường²

¹Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

²Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

“

Trong bối cảnh kinh tế số và chuyển dịch sang mô hình phát triển dựa trên tri thức, vai trò của trường đại học đã thay đổi sâu sắc. Đại học không chỉ thực hiện chức năng đào tạo nguồn nhân lực mà còn trở thành trung tâm tạo ra tri thức, công nghệ và các doanh nghiệp khởi nguồn từ đổi mới sáng tạo (ĐMST). Trên thế giới, các quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp phát triển mạnh và được xem là bộ phận quan trọng của mô hình “đại học khởi nghiệp”. Bài viết phân tích một số mô hình quỹ tiêu biểu của Hoa Kỳ, Úc, Hàn Quốc và Singapore, đồng thời đối chiếu với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam để đề xuất mô hình quỹ phù hợp cho hệ thống giáo dục đại học*.

”

*Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia “Nghiên cứu, rà soát cơ sở pháp lý để thành lập các Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp và các tổ chức hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp”; Mã số: số 844.NV6NC.TTUT.04-24.

Trường đại học không chỉ truyền thụ tri thức mà còn trực tiếp tham gia tạo lập doanh nghiệp, thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp và lan tỏa đổi mới sáng tạo ra xã hội. Trường đại học vì thế trở thành một chủ thể kinh tế - xã hội, tham gia sâu vào thị trường và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Tại Việt Nam, phong trào khởi nghiệp sinh viên được thúc đẩy mạnh mẽ sau Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025” và Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”. Tuy nhiên, phần lớn các trường đại học hiện vẫn thiếu công cụ tài chính hiệu quả để chuyển hóa ý tưởng, tài sản trí tuệ (TSTT) và kết quả nghiên cứu thành doanh nghiệp. Các hoạt động hỗ trợ chủ yếu mang tính phong trào như cuộc thi, câu lạc bộ hay hội thảo truyền cảm hứng, trong

khi ba cấu phần cốt lõi còn thiếu gồm: vốn đầu tư ban đầu, cơ chế thương mại hóa công nghệ, TSTT và mạng lưới cố vấn - doanh nghiệp - nhà đầu tư.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp không phải là hoạt động bổ trợ, mà là “nút thắt thể chế” quyết định trong việc hình thành chuỗi giá trị từ tri thức đến công nghệ, doanh nghiệp và giá trị kinh tế. Vì vậy, việc nghiên cứu các mô hình quỹ trên thế giới có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn đối với Việt Nam.

Kinh nghiệm quốc tế về mô hình quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp

Hoa Kỳ - Quỹ do sinh viên vận hành trong mô hình trường đại học khởi nghiệp (Entrepreneurial University)

Hoa Kỳ sở hữu hệ sinh thái khởi nghiệp đại học phát triển nhất thế giới. Hiện có trên 200 quỹ sinh viên hoạt động tại các trường như Stanford, MIT, UC



Ngày hội Khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ VII. Ảnh: PT.

Berkeley, Michigan với tổng quy mô vốn vượt 1,5 tỷ USD. Các quỹ này vận hành theo mô hình quỹ khởi nghiệp do sinh viên vận hành (student-led fund), nơi sinh viên tham gia vào toàn bộ quy trình gồm thẩm định công nghệ, phân tích thị trường, đề xuất đầu tư, đồng hành cùng startup.

Công cụ đầu tư phổ biến là Thỏa thuận đầu tư quy đổi cổ phần trong tương lai (SAFE - Simple Agreement for Future Equity) giúp trường đại học đầu tư mà không cần định giá doanh nghiệp giai đoạn đầu (Y Combinator, 2013). Mô hình này giúp rèn năng lực nhà đầu tư, thúc đẩy sinh viên hiểu động lực thị trường và tạo lộ trình phát triển nhân lực công nghệ cho nền kinh tế. Về mặt lý luận, mô hình này gắn với đại học khởi nghiệp, trong đó đại học đóng vai trò tác nhân thị trường, không chỉ là tổ chức giáo dục.

Úc - Mô hình đồng đầu tư

Úc triển khai mô hình quỹ đồng đầu tư (co-investment fund) nhằm kết nối nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và trường đại học. Quỹ đầu tư mạo hiểm Main Sequence Ventures (MSV) là quỹ gắn với Tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghiệp Liên bang Úc (CSIRO), đã huy động hơn 700 triệu AUD và tạo ra hơn 50 doanh nghiệp spin-off từ kết quả nghiên cứu. Mô hình của Úc dựa trên lý thuyết chuỗi giá trị ĐMST coi đại học là thành tố trung gian giữa: Tri thức học thuật → Công nghệ/TSTT → Doanh nghiệp → Thị trường.

Khác với Hoa Kỳ, Úc không đưa sinh viên vào vai trò nhà đầu tư, mà xem sinh viên là chủ thể tạo sản phẩm và công nghệ. Cơ chế vốn được thiết kế theo hướng: Nhà nước cung cấp vốn mồi (risk-sharing) → tư nhân đồng đầu tư (co-investment) → trường đại học góp vốn bằng TSTT (IP valuation). Điều này giúp tăng tỷ lệ thương mại hóa từ các kết quả nghiên cứu và phát triển (R&D), một điểm yếu hiện hữu của nhiều trường đại học Việt Nam hiện nay.

Hàn Quốc - Singapore: Mô hình “Sáng tạo dựa trên TSTT” (IP-based Venture Creation)”

Khác với Hoa Kỳ và Úc, Hàn Quốc và Singapore tiếp cận quỹ đại học từ quan điểm hệ thống *Triple Helix* thúc đẩy tương tác giữa Nhà nước - Đại học - Doanh nghiệp.

Tại Hàn Quốc, Viện Khởi nghiệp KAIST (KAIST Startup Institute) hình thành quỹ dựa trên TSTT: TSTT là vốn góp của trường, còn sinh viên phát triển doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ đó. Singapore vận hành hệ thống BLOCK71 và NUS Enterprise, trong đó: trên 70% dự án startup có TSTT được bảo hộ trước khi ra thị trường và đại học trực tiếp tham gia kiến tạo doanh nghiệp.

Mô hình này phù hợp với những trường đại học sở hữu năng lực nghiên cứu mạnh, coi tri thức là nguồn lực lõi.

Sự khác biệt giữa các mô hình quốc tế về cơ sở lý luận, đối tượng trung tâm, vai trò của quỹ cũng như lợi thế và hạn chế trong phát triển hệ sinh thái ĐMST được minh họa trong bảng 1.

Bảng 1. So sánh tổng hợp các mô hình quốc tế.

STT	Tiêu chí	Hoa Kỳ	Úc	Hàn Quốc, Singapore
1	Cơ sở lý luận	Mô hình đại học khởi nghiệp (Entrepreneurial University)	Mô hình chuỗi giá trị ĐMST (Innovation Value Chain)	Mô hình liên kết xoắn ba nhà (Triple Helix)
2	Đối tượng trung tâm	Sinh viên	Công nghệ và trường đại học	TSTT và doanh nghiệp
3	Vai trò quỹ	Huấn luyện và cấp vốn	Thương mại hóa kết quả R&D	Chuyển giao công nghệ
4	Lợi thế	Năng lực đầu tư	Giảm rủi ro	Tạo doanh nghiệp công nghệ lõi
5	Hạn chế	Dễ phân tán nguồn lực	Phụ thuộc năng lực R&D	Yêu cầu cao về thể chế đối với TSTT

Như vậy, điểm khác biệt của các quốc gia không nằm ở quy mô vốn, mà ở triết lý thiết kế quỹ: Hoa Kỳ nhấn mạnh con người, Úc nhấn mạnh dòng vốn còn Hàn Quốc và Singapore nhấn mạnh TSTT.

Gợi ý mô hình cho Việt Nam

Để xây dựng một quỹ đại học vận hành bền vững, cần vượt qua tư duy coi quỹ chỉ là nơi cấp vốn cho dự án. Thay vào đó, quỹ cần được thiết kế như một cấu trúc đa tầng, đóng vai trò dẫn dắt hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của nhà trường, tạo ra chuỗi giá trị từ ý tưởng đến doanh nghiệp và từ tri thức đến tác động xã hội.



Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với dự án khởi nghiệp BrickOne. Ảnh: PT.

Trụ cột thể chế đóng vai trò nền tảng, bảo đảm tính hợp pháp và ổn định dài hạn của quỹ. Quỹ cần được xác lập rõ ràng trong cấu trúc quản trị đại học, với hội đồng đầu tư đa thành phần gồm chuyên gia TSTT, doanh nhân công nghệ, nhà đầu tư và giảng viên nghiên cứu. Trụ cột này cũng phải bảo đảm sự liên thông với các khung pháp lý liên quan để cho phép chuyển đổi tri thức và TSTT thành vốn góp hoặc quyền khai thác thương mại.

Trụ cột tài chính là lõi vận hành của quỹ, hoạt động theo logic đầu tư thay vì tài trợ. Các công cụ tài chính cần linh hoạt theo từng giai đoạn phát triển dự án, từ tài trợ nghiên cứu đến góp vốn cổ phần. Điểm đột phá là việc công nhận TSTT như một dạng vốn phi tiền tệ, cho phép đại học chuyển hóa tri thức thành tài sản kinh tế và thu hút đồng đầu tư từ doanh nghiệp, quỹ mạo hiểm và cựu sinh viên.

Trụ cột học thuật tạo nên sự khác biệt cốt lõi giữa quỹ đại học và các quỹ đầu tư thông thường. Quỹ trở thành môi trường học tập thực nghiệm, nơi sinh viên phát triển tư duy khởi nghiệp, kỹ năng thị trường, quản trị tài chính và sở hữu trí tuệ. Các đầu ra học thuật

không chỉ là công bố khoa học, mà còn bao gồm sáng chế, doanh nghiệp spin-off và giấy phép công nghệ - những chỉ số cần được tích hợp vào hệ thống đánh giá đại học.

Sự hình thành các quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp không phải là xu hướng mang tính phong trào, mà là hệ quả tất yếu của quá trình chuyển đổi giáo dục đại học sang mô hình kiến tạo tri thức và giá trị. Mô hình quỹ đề xuất cho Việt Nam nhấn mạnh ba nền tảng cốt lõi: Tài chính hóa tri thức, liên thông đào tạo - công nghệ - thị trường và công nhận TSTT như một dạng vốn của trường đại học. Nếu được triển khai hiệu quả, mô hình này sẽ góp phần tháo gỡ điểm nghẽn về vốn và năng lực khởi nghiệp, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp công nghệ và đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế dựa trên ĐMST.